

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2023/DS-PT.

Ngày: 08-9-2023

V/v: Tranh chấp HĐ đặt cọc mua bán cây.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phụng.

2. Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các 31 tháng 8 và 08 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán cây*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 5 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 205/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số D, đường N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An
(Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2022)

2. *Bị đơn:* Ông Lý Văn T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số B, ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ E, ấp C, xã B, huyện B, T. Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/11/2021, ông Đ có thỏa thuận ký kết “Hợp đồng mua bán cây” với anh Lý Văn T, Hợp đồng không ghi ngày tháng năm nhưng thể hiện nội dung: Bên A đồng ý bán cây “mai vàng (hoành từ 28cm trở lên, cao 03m, ngang 2.5m, 01 liếp 6 hàng, chọn 3 hàng, lựa 150 cây, mai giảo F1, bông 8-16 cánh, liếp số 3, 03 hàng đầu, 01 hàng cuối. Bên A chấp nhận bán cây cho bên B với giá 2.000.000 đồng/cây, 150 cây X 2.000.000 đồng = 300.000.000 đồng – Bên B có đặt cọc trước số tiền là 30.000.000 đồng, lên xe bao nhiêu trả đủ tiền cây lên xe, còn lại qua tết bứt hết...”. Do hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng không đề ngày tháng năm nhưng mục cuối của Hợp đồng thể hiện “Thời gian thực hiện Hợp đồng này được hai bên thỏa thuận là từ ngày 07/11/2021 đến hết ngày 01/4/2022”. Tuy hợp đồng không thể hiện rõ ngày âm lịch hay dương lịch nhưng khi ông Đ mua mai là để bán dịp tết nguyên đán Quý Mão nên khẳng định ngày giao kết Hợp đồng là ngày âm lịch.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng ngày 19/01/2022 (âm lịch) nhằm ngày 19/02/2022 (dương lịch), ông Đ đã bứng trước 69 cây mai với số tiền là 138.000.000 đồng và đã thanh toán đủ số tiền này cho ông T nhưng không trừ tiền đặt cọc, số cây còn lại là 81 cây. Khi bứng cây, có một số cây mai nhỏ hơn so với thỏa thuận nên hai bên thống nhất anh T sẽ bù thêm cho ông Đ 10 cây mai, không phải trả thêm tiền nên 91 cây mai còn lại ông Đ chưa bứng. Việc thỏa thuận này hai bên không có lập bất kỳ văn bản nào mà chỉ thỏa thuận miệng.

Đến ngày 11/3/2022 (âm lịch) nhằm ngày 11/4/2022 (dương lịch), ông Đ có liên hệ với ông T và người trong nhóm mua bán mai của ông T đến bứng hết số cây còn lại, thì ông T có thương lượng với ông Đ cho gửi 81 cây mai còn lại đến Tết Quý Mão mới bứng nhưng ông T yêu cầu ông Đ phải trả thêm chi phí chăm sóc cây là 600.000 đồng/cây nhưng ông Đ chỉ đồng ý trả thêm công sức chăm sóc mai là 300.000 đồng/cây, ông T không đồng ý và cũng không cho ông Đ bứng số cây còn lại.

Ông Đ có nộp đơn khiếu nại ông T đến UBND xã T để giải quyết. Ngày 23/5/2022, UBND xã đã tiến hành hòa giải, thì ông Nguyễn Thanh T1, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T không đồng ý hoàn trả số tiền cọc là 30.000.000 đồng đã nhận của ông Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Hợp đồng mua bán cây theo thỏa thuận lập ngày 07/11/2021. Buộc ông Lý Văn T phải hoàn trả lại cho ông Lê Văn Đ số tiền đã nhận là 30.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Lý Văn T đã có Đơn xin vắng mặt nhưng theo Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai do Tòa án lập ngày 18/4/2023 thể hiện:

Ông và ông Nguyễn Thanh T1 có hùn trồng mai chung với nhau tại ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông và ông T1 có quan hệ mua bán mai với ông Lê Văn Đ trước đó nên hai bên có thỏa thuận việc ký kết Hợp đồng mua bán cây được xác lập ngày 07/11/2021 như lời trình bày theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng.

Sau khi hai bên thỏa thuận số lượng cây bán, giá cả và đã nhận tiền cọc của ông Đ là 30.000.000 đồng. Ông Đ đã bứng trước 69 cây mai vàng và đã thanh toán là 138.000.000 đồng nhưng không trừ số tiền đã đặt cọc vì ông Đ còn phải bứng tiếp 81 cây còn lại với số tiền là 162.000.000 đồng. Sau khi ông nhận số tiền cọc là 30.000.000 đồng từ ông Đ, ông đã giao ngay số tiền này lại cho ông T1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Đ có thỏa thuận đề nghị để gửi lại 81 cây mai vàng và hẹn đến cuối tháng 02/2022 (dương lịch) sẽ bứng số lượng cây mai vàng còn lại. Tuy nhiên, quá thời hạn ngày 01/4/2022 ông cũng không thấy ông Đ đến bứng mai nhưng lại nộp Đơn khiếu nại ông tại UBND xã T và khởi kiện tại TAND huyện Bến Lức cho đến nay.

Nay ông Đ khởi kiện buộc ông phải hoàn trả số tiền đặt cọc theo Hợp đồng mua bán cây, thì anh đồng ý hủy Hợp đồng mua bán cây xác lập giữa hai bên, nhưng không đồng ý hoàn trả số tiền cọc đã nhận. Bởi vì, ông Đ đã vi phạm thỏa thuận là hẹn cuối tháng 02/2022 (dương lịch) nhưng không thực hiện bứng hết số cây còn gửi lại dẫn đến cây bị suy yếu, bị chết nhánh vì đã xử lý cho ra bông hết 81 cây này để cho ông Đ kịp bán trong tết nguyên đán năm 2022 nên phải mất cọc. Từ đó, ông và ông T1 phải chăm sóc lại số mai này. Việc chăm sóc số mai này hết khoảng 01 năm sau mới có thể bán cho người khác được. Mặt khác, ông và ông T1 bị chủ đất cho thuê đất trồng mai lấy lại đất nên phải bứng mai di dời đến chỗ khác nên việc ông Đ không bứng mai đúng theo thỏa thuận làm cho ông bị thiệt hại, nhưng ông xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Ông T1 xác nhận lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn đúng về thời gian xác lập thực hiện việc thỏa thuận mua bán mai vàng theo Hợp đồng mua bán cây ngày 07/11/2021. Tuy nhiên, ông Lý Văn T là người trực tiếp ký Hợp đồng nêu trên với ông Lê Văn Đ, ông T1 không ký tên trong Hợp đồng này. Lý do là vì ông T1 và ông T ký có thỏa thuận hùn tiền mua mai với nhau. Ông T1 là người trực tiếp nhận số tiền 30.000.000 đồng đặt cọc của ông Đ và trực tiếp thực hiện Hợp đồng nêu trên với ông Lê Văn Đ. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nguyên đơn ông Đ có bứng 69 cây với số tiền là 138.000.000 đồng, ông Đ đã thanh toán đủ số tiền trên cho ông T do ông nhận trực tiếp nhưng không trừ tiền đặt cọc. Khi bứng cây, có một số cây mai nhỏ hơn so với thỏa thuận nên hai bên thống nhất sau khi hoàn tất hợp đồng sẽ cho thêm ông Đ 10 cây mai (chỉ thỏa thuận miệng, không lập biên bản), số cây còn lại chưa bứng là 81 cây và có hẹn là cuối tháng 02/2022 (dương lịch) sẽ bứng hết nhưng đến hết ngày 02/4/2022 ông Đ vẫn không bứng số lượng cây còn lại mãi đến năm 2023 nộp đơn khiếu nại anh T tại UBND xã T và sự việc kéo dài cho đến nay Tòa án thụ lý giải quyết.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông T1 thống nhất với ý kiến của ông T là đồng ý hủy “Hợp đồng mua bán cây” nêu trên. Tuy nhiên, do chỗ uy tín và để giữ mối quan hệ với nhau, ông T1 tự nguyện hỗ trợ cho ông Lê Văn Đ số tiền 15.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, khoản 2, Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 145, khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ đối với bị đơn anh Lý Văn T về việc yêu cầu hủy “Hợp đồng mua bán cây” do hai bên thỏa thuận từ ngày 07/11/2021 đến hết ngày 01/4/2022 được xác lập giữa ông Lê Văn Đ và anh Lý Văn T.

Hủy Hợp đồng mua bán cây do hai bên thỏa thuận từ ngày 07/11/2021 đến hết ngày 01/4/2022 được xác lập giữa ông Lê Văn Đ và anh Lý Văn T. Số tiền ông Lê Văn Đ đặt cọc cho ông Lý Văn T là 30.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Lý Văn T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Lý Văn T phải chịu án phí do hủy Hợp đồng mua bán cây do hai bên thỏa thuận từ ngày 07/11/2021 đến hết ngày 01/4/2022 được xác lập giữa ông Lê Văn Đ và anh Lý Văn T được chấp nhận là 300.000 đồng.

2.2. Buộc nguyên đơn ông Lê Văn Đ phải chịu án phí do yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 30.000.00 đồng không được chấp nhận là 1.500.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012408 và số tiền 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012407 cùng ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Buộc ông Lê Văn Đ còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 450.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn ông Lê Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn Đ có người đại diện là ông Nguyễn Văn Đ1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời nguyên đơn cung cấp lời trình bày của bà Lê Thị T2 và bà Nguyễn Thị L tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của những người làm chứng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Lý Văn T vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên không có lời trình bày và ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn Đ thấy rằng, Ngày 07/11/2021 ông Đ ký HĐ mua bán cây với ông T, hợp đồng không ghi ngày tháng năm, có nội dung “Bên A đồng ý bán cây mai vàng ...bên A chấp nhận bán cây cho bên B với giá 2.000.000.000đ/cây, 150 cây x 2.000.000đồng = 300.000.000 đồng - Bên B có đặt cọc trước số tiền là 30.000.000 đồng, lên xe bao nhiêu trả đủ tiền cây lên xe, còn lại qua tét bún hết... Thời gian thực hiện hợp đồng này được hai bên thỏa thuận là từ ngày 07/11/2021 đến hết ngày 01/4/2022”.

Các bên thống nhất ngày 19/02/2022 ông Đ đã bứng 69 cây mai và thanh toán 138.000.000đồng, không trừ 30.000.000đồng tiền cọc. Theo hợp đồng mua bán thì số tiền 30 triệu này là để đảm bảo tiến tới thực hiện hợp đồng, lẽ ra khi mua 69 cây mai thì bên ông T phải khấu trừ lại 30 triệu tiền cọc cho ông Đ nhưng ông Đ đã không trừ ra số tiền này ra mà trả đủ tiền 69 cây mai nên 30 triệu trên không còn là tiền đặt cọc, nay các bên không tiếp tục mua bán mai nữa nên ông Đ yêu cầu trả lại tiền là có căn cứ, kháng cáo của ông Đ có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, theo ông Đ trình bày tại cấp phúc thẩm thì số mai trên là của một nhóm gồm 06 người gồm: ông T1, ông T, bà Lê Thị T2, bà Nguyễn Thị Ngọc L1, bà Lê Thị Kim T3 hùn mua vườn mai để bán lại cho ông và những người này đã gom tiền đưa cho ông T1 trả cho ông nhưng ông T1 không trả mà tiêu xài cá nhân. Như vậy, để giải quyết toàn diện vụ án, cần tiến hành lấy lời khai cũng như đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của Lý Văn Đ2 được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lý Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn Đ thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều trình bày thống nhất: Các bên có ký kết “Hợp đồng mua bán cây” không thể hiện ngày tháng năm được xác lập để giao dịch mua bán cây từ ngày 07/11/2021 đến ngày 01/4/2022 là loại cây mai vàng, giá cả, số lượng mai, quy chuẩn về mai vàng, cách thức, thời gian thực hiện Hợp đồng, cụ thể là “hoành từ 28cm trở lên, cao 03m, ngang 2.5m, 01 liếp 6 hàng, chọn 3 hàng, lựa 150 cây, mai giảo F1, bông 8-16 cánh, liếp số 3, 03 hàng đầu, 01 hàng cuối, lên xe bao nhiêu trả đủ tiền cây lên xe, còn lại qua tết bứt hết”. Sau khi hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng, thì ông Đ đã bứng trước số lượng mai là 69 cây, thanh toán số tiền là 138.000.000 đồng nhưng lại không khấu trừ số tiền đã đặt cọc là 30.000.000 đồng vào số tiền đã thanh toán, số lượng 81 cây mai còn lại sẽ bứng tiếp và thanh toán hoàn tất đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Người đại diện của ông Đ là ông Đ1 xác định thời gian thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán cây được tính theo thời gian âm lịch, đề phù hợp với dịp Tết Nguyên đán, ngược lại ông T và ông T1 đều xác định thời gian thỏa thuận này được tính theo ngày dương lịch, từ đó phía bị đơn xác định thời điểm ông Đ liên lạc để bứng tiếp 81 cây mai còn lại vào ngày 08/4/2022 là quá thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của các bên đương sự mà không bên nào cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định ông Đ vi phạm thời gian thỏa thuận trong hợp đồng là chưa phù hợp.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T1 tự nguyện đồng ý trả lại cho ông Lê Văn Đ $\frac{1}{2}$ số tiền cọc là 15.000.000 đồng do Hợp đồng mua bán cây giữa ông Đ và ông T không thể hoàn thành theo như thỏa thuận, ông T1 đồng ý trả tiền cho ông Đ 15.000.000 đồng là do khi ông T nhận 30.000.000 đồng từ ông Đ thì ông T đã đưa hết số tiền này lại cho ông T1. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo tổng đạt văn bản tố tụng và liên hệ trực tiếp với ông T1 và phía ông T1 nhiều lần phản hồi ý kiến đồng ý trả cho ông Đ số tiền 15.000.000 đồng và ông T1 sẽ đem tiền lên trả trực tiếp cho ông Đ, việc này phía nguyên đơn cũng đồng ý nếu ông T1 trực tiếp trả 15.000.000 đồng thì nguyên đơn sẽ rút đơn kháng cáo và rút đơn khởi kiện, nhưng ông T1 chỉ hứa mà không thực hiện và lại vắng mặt tại tất cả các phiên tòa của Tòa án cấp phúc thẩm. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện ông Lý Văn T yêu cầu trả số tiền 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với sự tự nguyện này của ông T1.

[2.4] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có người đại diện là ông Đ1 cung cấp lời trình bày của bà Lê Thị T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L1 có cùng nội dung “Bà T2 và bà L1 là hai trong số 4 người cùng hùn hạp mua bán cây mai vàng với ông Lý Văn T và ông Nguyễn Thanh T1 để giao thương vào dịp Tết Nguyên Đán năm 2022. Khoảng cuối năm 2021, nhóm của các bà có bán cho ông Lê Văn Đ tổng cộng 150 cây mai vàng theo Hợp đồng mua bán cây ngày 07/11/2021 mà ông T là người đại diện đứng ra ký kết hợp đồng. Việc hùn hạp của nhóm này chỉ dựa trên mối quan hệ quen biết và làm ăn chung, không có lập văn bản hay ký kết giấy tờ gì. Sau khi ký hợp đồng thì ông Đ đã bung được 69 cây mai vàng, còn lại 81 cây thì sau này ông Đ mới bung tiếp. Tuy nhiên đến khoảng ngày 02/3/2022 thì hai bà cùng những người trong nhóm có nghe ông T1 thông báo không giao mai cho ông Đ nữa, do có tranh chấp nên phải gom tiền lại để trả lại tiền cọc và bồi thường cho ông Đ là 80.000.000 đồng. Các thành viên trong nhóm đã gom đủ số tiền trên để giao ông T1 trả lại cho ông Đ. Tuy nhiên, đến nay do ông Đ liên hệ thì hai bà mới biết có sự việc tranh chấp này, nên hai bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông T1 trả lại cho ông Đ số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng.” Lời trình bày này của bà T2 và bà L1 là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, đồng thời qua đó xác định ông Đ thực tế đã có liên hệ ông T và ông T1 để yêu cầu được bung tiếp 91 cây mai còn lại trước ngày 02/3/2022, tức ông Đ không vi phạm thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán cây ngày 07/11/2021. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định việc cung cấp lời trình bày của bà L1 và bà T2 là để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông Đ được chấp nhận, ngoài ra không có yêu cầu gì khác, nên không xác định bà T2 và bà L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải đưa tham gia tố tụng trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải hủy bản án theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Từ những phân tích trên: Xét thấy kháng cáo của ông Lê Văn Đ là có căn cứ nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.2]. Buộc ông Lý Văn T phải chịu 1.800.000 đồng.

5.1. H lại cho ông Lê Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0012408 và 0012407 cùng ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Đ không phải chịu án phí do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 244, Điều 272, Điều 273, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 328, Điều 427, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ đối với ông Lý Văn T về việc “tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán cây”.

1.1. Hủy Hợp đồng mua bán cây được xác lập giữa ông Lê Văn Đ và anh Lý Văn T.

1.2. Buộc ông Lý Văn T trả cho ông Lê Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Văn Đ không phải chịu án phí. H lại cho ông Đ số tiền tạm ứng đã phí đã nộp là 1.050.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0012408 và 0012407 cùng ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

2.2. Buộc ông Lý Văn T phải chịu án phí 1.800.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Lê Văn Đ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009904 ngày 22/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Cẩm Hồng